

Bản án số: 105/2017/HC-PT
Ngày 27-7-2017
V/v khiếu kiện quyết định hành
chính trong lĩnh vực quản lý đất đai

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Minh Tuấn
Các Thẩm phán: Ông Lê Phước Thanh
Ông Phạm Việt Cường

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ Ngân, Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông Trần Thanh Tuấn - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 7 năm 2017 tại Trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 48/2016/TLPT-HC ngày 18 tháng 11 năm 2016 về “*Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai*”.

Do bản án hành chính sơ thẩm số 04/2016/HCST ngày 22 tháng 6 năm 2016 của Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên bị kháng cáo, kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 48C/2017/QĐPT-HC ngày 07 tháng 7 năm 2017, giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện: Ông Huỳnh Bùi L, sinh năm 1960; (có mặt).

Trú tại: xã X, thị xã S, tỉnh Phú Yên.

2. Người bị kiện: Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Yên.

Địa chỉ: đường Đ, thành phố T, tỉnh Phú Yên.

Đại diện theo ủy quyền: Ông NCH - Chức vụ: Phó Chủ tịch UBND tỉnh Phú Yên; (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ủy ban nhân dân thị xã S, tỉnh Phú Yên.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Lương Công T – Chức vụ: Phó Chủ tịch UBND thị xã S; (có mặt).

- Ông Võ Hữu C, sinh năm 1938 và bà Nguyễn Thị X, sinh năm 1949; Cùng địa chỉ: xã X, thị xã S, tỉnh Phú Yên; (đều có mặt).

4. *Người kháng cáo:* Ông Huỳnh Bùi L, ông Võ Hữu C.

5. *Viện kiểm sát kháng nghị:* Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo Đơn khởi kiện đề ngày 16 tháng 4 năm 2014 và trong quá trình tố tụng, ông Huỳnh Bùi L trình bày:

Nguyên thừa đất số 162, 163, tờ số 13, bản đồ 299TTg (nay là thửa đất số 57-1, 57-3; tờ bản đồ số 23) tại thôn H, xã X, thị xã S, tỉnh Phú Yên là của ông Bùi Văn C tạo lập theo Giấy chia đất canh tác đời vua Thành Thái năm thứ 10 (tức năm 1899) để lại cho con cháu trong tộc họ canh tác, trong đó có bà Bùi Thị Đ. Năm 1983, bà Bùi Thị Đ Chết nên tộc họ đã ủy quyền cho Ông đứng ra quản lý sử dụng phần đất mà cha, ông trước đây đã tạo dựng được.

Năm 1982, ông Võ Hữu C có đơn xin giao đất được Ủy ban nhân dân xã X và Ban cải tạo nông nghiệp huyện S đồng ý giao thửa đất số 163 cho ông C sử dụng làm nhà ở. Năm 1986, gia đình ông C xây dựng nhà ở, nhưng không xây trên thửa đất được giao số 163 mà lại xây trên thửa đất số 162, còn thửa đất số 163 dùng để trồng cây lâu năm. Mặc dù, thửa đất số 162, 163 đều là của tộc họ Bùi, nhưng do Chính quyền lúc đó đã xét cấp thửa đất số 163 cho gia đình ông Võ Hữu C, nên tộc họ Bùi cũng chấp nhận và đồng ý cho ông C sử dụng thửa đất số 163 này. Năm 1997, gia đình ông C được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại thửa đất số 163 với mục đích trồng cây lâu năm.

Năm 1999, Ông đã có đơn khiếu nại việc Ủy ban nhân dân xã X và Ban cải tạo nông nghiệp huyện Đ (cũ) lấy đất của tộc họ giao cho ông Võ Hữu C. Tại quyết định giải quyết khiếu nại số 478/QĐ-UB ngày 11/10/2000, Ủy ban nhân dân huyện S đã công nhận quyền sử dụng thửa đất số 162, tờ bản đồ số 13, thôn H, xã X, huyện S, tỉnh Phú Yên thuộc quyền sử dụng của gia đình Ông, ông Võ Hữu C không khiếu nại quyết định này. Ngày 02/10/2001, Ủy ban nhân dân huyện S đã cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng 440m² đất thuộc thửa đất số 162, tờ bản đồ số 13, thôn H, xã X, huyện S, tỉnh Phú Yên cho gia đình Ông (sau khi trừ đi diện tích thuộc hành lang an toàn giao thông).

Do ông Võ Hữu C xây dựng nhà ở trên thửa đất số 162 và không trả lại, nên Ông đã khởi kiện vụ án dân sự đòi lại thửa đất này. Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 09/2002/DSST ngày 16/08/2002 của Tòa án nhân dân huyện S đã chấp

nhận đơn khởi kiện của Ông, buộc gia đình ông C phải trả lại đất, còn ông có nghĩa vụ thanh toán giá trị tài sản trên đất cho ông C là 45.971.240 đồng. Cho rằng giá trị tài sản phải trả lại cho gia đình ông C quá cao, nên Ông đã kháng cáo. Tại Bản án dân sự phúc thẩm số 63/2002/DSPT ngày 28/10/2002 của Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên đã sửa bản án sơ thẩm và tuyên hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của Ủy ban nhân dân huyện S đã cấp cho gia đình Ông để giải quyết lại cho phù hợp với thực tế, mục đích là để các bên hoán đổi hai thửa đất số 162, 163 cho nhau, trên cơ sở kiến nghị của Ủy ban nhân dân huyện S. Thi hành bản án này, Ông đã tự nguyện nộp lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của mình tại thửa đất số 162, nhưng gia đình ông Võ Hữu C lại không chấp hành.

Ngày 08/01/2008, Ủy ban nhân dân thị xã S (huyện S cũ) ban hành Quyết định số 13/QĐ-UBND thu hồi 976,79m² đất của gia đình ông Võ Hữu C do lấn chiếm trái phép tại thửa đất số 162, 163 (đo đạc lại là thửa đất số 57-1, 57-3). Ông Võ Hữu C khiếu nại, nhưng đã quá thời hiệu nên không được thụ lý giải quyết. Ông C tiếp tục khiếu nại đến Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Yên và tại Văn bản số 1262/UBND-NC ngày 17/06/2010 của Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Yên trả lời Quyết định thu hồi đất số 13/QĐ-UBND ngày 08/01/2008 của Ủy ban nhân dân thị xã S là đúng, đồng thời khẳng định việc không thụ lý giải quyết đơn khiếu nại của ông C là có căn cứ vì đã hết thời hiệu khiếu nại.

Tuy nhiên, không hiểu vì lý do gì mà sau đó Ủy ban nhân dân thị xã S lại thụ lý đơn khiếu nại của ông Võ Hữu C và tại Quyết định giải quyết khiếu nại số 5417/QĐ-UBND ngày 11/11/2013 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã S cũng đã bác toàn bộ nội dung khiếu nại của ông C. Không đồng ý, ông C tiếp tục khiếu nại. Tại Quyết định giải quyết khiếu nại số 500/QĐ-UBND ngày 27/03/2014 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Yên quyết định:

1. Không công nhận nội dung khiếu nại của ông C đối với Quyết định giải quyết khiếu nại số 5417/QĐ-UBND ngày 11/11/2013 của Ủy ban nhân dân thị xã S.

2. Công nhận Quyết định giải quyết khiếu nại số 5417/QĐ-UBND ngày 11/11/2013 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã S là có cơ sở pháp luật.

3. Giao Ủy ban nhân dân thị xã S:

- Thực hiện các thủ tục cấp GCNQSD đất ở cho hộ gia đình ông C có thu tiền sử dụng đất đối với phần đất ngoài hành lang an toàn giao thông QL 1A tại thửa đất số 57-1 và 57-3 theo đúng trình tự, thủ tục quy định của pháp luật vì hiện nay đất này phù hợp với quy hoạch khu dân cư đã được phê duyệt.

- Thu hồi, quản lý diện tích đất do gia đình ông C lấn chiếm hành lang an toàn giao thông QL 1A tại thửa 57-1 và 57-3.

Từ chỗ là đất của gia đình Ông, khi xảy ra tranh chấp đã được giải quyết bằng quyết định có hiệu lực pháp luật của Ủy ban nhân dân huyện S cũng như của Tòa án. Thế nhưng Quyết định giải quyết khiếu nại số 500/QĐ-UBND ngày 27/3/2014 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Yên đã lấy đất của Ông để cấp cho gia đình ông Võ Hữu C là trái quy định của pháp luật. Vì vậy, Ông đề nghị Tòa án giải quyết hủy quyết định nói trên của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Yên.

** Tại văn bản số 2537 đề ngày 30/06/2014, người bị kiện là Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Yên trình bày:*

Diện tích đất 440m² tại thửa đất số 57-1, thuộc tờ 23, bản đồ địa chính II (cũ là thửa 162, tờ bản đồ số 13) thôn H, xã X, thị xã S, tỉnh Phú Yên, mà ông Võ Hữu C lấn chiếm là đất chưa sử dụng do Nhà nước quản lý, không phải là đất lấn chiếm của gia đình ông Huỳnh Bùi L và khẳng định việc ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại số 500/QĐ-UBND ngày 27/03/2014 là có căn cứ pháp luật, phù hợp với tình hình thực tế không liên quan gì đến ông Huỳnh Bùi L. Do vậy, việc ông L khởi kiện yêu cầu hủy Quyết định giải quyết khiếu nại số 500/QĐ-UBND ngày 27/03/2014 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Yên là không có căn cứ để chấp nhận.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - đại diện Ủy ban nhân thị xã S trình bày:*

Việc tranh chấp đất đai giữa ông Huỳnh Bùi L và ông Võ Hữu C trước đây đã được giải quyết tại Quyết định số 478/QĐ-UB ngày 11/10/2000 của Ủy ban nhân dân huyện S. Quyết định nói trên đã công nhận nội dung khiếu nại của ông Huỳnh Bùi L là đúng và hiện nay quyết định này vẫn đang có hiệu lực pháp luật, chưa bị thu hồi hay hủy bỏ. Việc, ông Huỳnh Bùi L khởi kiện yêu cầu hủy Quyết định giải quyết khiếu nại số 500/QĐ-UBND ngày 27/3/2014 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Yên, thì Ủy ban nhân dân thị xã S không có ý kiến gì và đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - ông Võ Hữu C và bà Nguyễn Thị X trình bày:*

Năm 1982, ông Võ Hữu C có “Đơn xin cất đất làm nhà ở” được Ủy ban nhân dân xã X và Ban cải tạo nông nghiệp huyện Đ (cũ) ký duyệt ngày 18/03/1983, đồng ý giao cho gia đình ông 1.050 m² (cả hành lang đường Quốc lộ 1A), có chiều dài 21 m, chiều rộng 50 m tại thôn H, xã X, thị xã S, tỉnh Phú Yên. Quá trình sử dụng, ông bà đã khai hoang mở rộng thêm. Năm 1986, gia đình ông xây dựng nhà ở và năm 1997 được Ủy ban nhân dân huyện S, tỉnh Phú Yên cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng 520m² đất tại thửa đất số 163, tờ bản đồ số 13, tại thôn H, xã X, huyện S, tỉnh Phú Yên (đã trừ hành lang giao thông). Ông

Huỳnh Bùi L đưa ra giấy tờ đất từ đời vua Thành Thái thứ 10, không rõ có phải là thửa đất số 162, 163 hay không, trong khi gia đình ông đã sử dụng các thửa đất này ngay tình, liên tục từ khi được giao đất vào năm 1983 cho đến nay. Việc ông Huỳnh Bùi L khởi kiện yêu cầu hủy Quyết định giải quyết khiếu nại số 500/QĐ-UBND ngày 27/3/2014 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Yên là không có cơ sở.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 04/2016/HCST ngày 22/6/2016, Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên quyết định:

Căn cứ Điều 28, 30, khoản 2 Điều 163 Luật Tố tụng hành chính.

Tuyên xử: Không chấp nhận yêu cầu của ông Huỳnh Bùi L theo đơn khởi kiện đề ngày 16/4/2014 đòi hủy Quyết định số 500/QĐ-UBND ngày 27/3/2014 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Yên vì không có căn cứ pháp luật.

Kiến nghị UBND thị xã S ban hành quyết định thu hồi đất, hủy bỏ quyết định số 478/QĐ-UB ngày 11/10/2000 của UBND huyện S (nay là thị xã S).

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 30/6/2016, ông Huỳnh Bùi L có đơn kháng cáo cho rằng bản án sơ thẩm giải quyết không đúng quy định của pháp luật.

Ngày 06/7/2016, ông Võ Hữu C có đơn kháng cáo yêu cầu Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Yên thu hồi đúng diện tích đất thực tế, để đảm bảo quyền lợi cho gia đình ông.

Ngày 20/7/2016, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng có Quyết định kháng nghị số 07/QĐ/KNPT-VC2-V3, đề nghị Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử theo thủ tục phúc thẩm sửa Bản án hành chính sơ thẩm số 04/2016/HCST ngày 22/6/2016 của Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Huỳnh Bùi L, hủy Quyết định số 500/QĐ-UBND ngày 27/3/2014 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Yên do đánh giá chứng cứ chưa khách quan, toàn diện gây thiệt hại đến quyền, lợi ích hợp pháp của đương sự.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Huỳnh Bùi L giữ nguyên nội dung kháng cáo, Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng giữ nguyên nội dung kháng nghị.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Tại phiên tòa hôm nay người bị kiện Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Yên có đơn xin xét xử vắng mặt, căn cứ khoản 4 Điều 225 Luật Tố tụng hành chính, Hội đồng xét xử tiến hành giải quyết vụ án theo quy định pháp luật.

[2] Xét về trình tự, thủ tục ban hành Quyết định số 500/QĐ-UBND ngày 27/3/2014 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Yên:

[3] Từ năm 1990 cho đến năm 1999, ông Huỳnh Bùi L liên tục có đơn khiếu nại cho rằng ông Võ Hữu C chiếm dụng đất và việc Ủy ban nhân dân xã X và Ban cải tạo nông nghiệp huyện Đ lấy đất của tộc họ Bùi giao cho gia đình ông Võ Hữu C là không đúng pháp luật. Đơn khiếu nại của ông Huỳnh Bùi L đã được giải quyết bằng quyết định có hiệu lực pháp luật đó là Quyết định số 478/QĐ-UB ngày 11/10/2000 của Ủy ban nhân dân huyện S. Tại quyết định này đã công nhận nội dung khiếu nại của ông Huỳnh Bùi L là đúng và đề nghị các đơn vị liên quan làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Huỳnh Bùi L tại thửa đất số 162, tờ bản đồ số 13, thôn H, xã X, huyện S, tỉnh Phú Yên. Cho đến thời điểm hiện nay, quyết định nói trên của Ủy ban nhân dân huyện S vẫn đang có hiệu lực pháp luật, không bị thay thế hay hủy bỏ bởi quyết định của cơ quan có thẩm quyền nào khác.

[4] Ngày 08/01/2008, Ủy ban nhân dân thị xã S (trước đây là huyện S) ban hành Quyết định số 13/QĐ-UBND thu hồi 976,79m² đất tại thửa đất số 57-1, 57-3 của gia đình ông Võ Hữu C do lấn chiếm trái phép. Do ông Võ Hữu C khiếu nại quá thời hạn mà không có lý do, nên tại văn bản số 566/UBND ngày 25/08/2008 của Ủy ban nhân dân thị xã S trả lời không thụ lý giải quyết khiếu nại là đúng quy định tại khoản 6 Điều 11 Luật Khiếu nại (sửa đổi, bổ sung năm 2011). Tuy nhiên sau đó, lấy lý do “*để giải quyết thấu tình đạt lý trước khi cưỡng chế thu hồi đất của ông C*”, Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Yên đã yêu cầu Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã S tiếp tục thụ lý, ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại số 5417/QĐ-UBND ngày 11/11/2013 và sau đó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Yên ban hành Quyết định số 500/QĐ-UBND ngày 27/03/2014 để giải quyết đơn khiếu nại của ông Võ Hữu C là không đúng trình tự, thủ tục giải quyết khiếu nại theo quy định của pháp luật. Mặt khác, vụ việc này cũng không thuộc trường hợp phải xem xét lại việc giải quyết khiếu nại theo quy định tại Điều 20 Nghị định số 75/2012/NĐ-CP ngày 03/10/2012 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Khiếu nại.

[5] Xét về nội dung thấy rằng theo Giấy chia đất canh tác xác lập ngày 12 tháng 10 năm thứ 10 đời Vua Thành Thái (tức năm 1899) thì ông Bùi Văn Ch ở TL, TXĐ, Huyện Đ, Phủ TA (nay là thôn H, xã X, thị xã S, tỉnh Phú Yên) là chủ sở hữu mảnh đất có diện tích 07 thước 05 tấc. Quá trình sử dụng đất, ông đã khai phá mở rộng thêm và hiện nay có diện tích là 1.870m² bao gồm: thửa đất số 162 diện tích 910m² (trong hành lang giao thông 470m², ngoài hành lang giao thông 440m²) và thửa đất số 163 diện tích 960m² (trong hành lang giao thông 440m², ngoài hành lang giao thông 520m²) đều thuộc tờ bản đồ số 13 tại xứ đồng BN, thôn H, xã X, thị xã S, tỉnh Phú Yên. Ông Bùi Văn C qua đời để lại thửa đất trên

cho con trai Bùi Xuân V quản lý, sử dụng. Ông V có 05 người con là: Bùi Thị T (chết năm 1979), Bùi Thị N (chết trước 1975), bà Bùi Thị Đ (chết năm 1983), bà Bùi Thị B (chết năm 2014), ông Huỳnh Thái L (con ngoài giá thú được gia đình thừa nhận đã chết năm 2011) có con là Huỳnh Bùi L.

[6] Sau khi ông V chết (khoảng năm 1964), thửa đất này được tộc họ trong đó có bà Bùi Thị Đ trực tiếp quản lý, sử dụng. Sau năm 1975 do già yếu, nên bà Đ cho phép ông Chế Hữu K, rồi ông Lê A, ông Dương Kh (ông Kh là cháu bà Đ) trông trọt. Năm 1983 bà Đ chết, lúc này ông Võ Hữu C có đơn xin đất được Ủy ban nhân dân xã X và Ban cải tạo nông nghiệp huyện Đ đồng ý giao 1.050m² (cả hành lang đường Quốc lộ 1A), có chiều dài 21m, chiều rộng 50m (chính là thửa đất số 163 của tộc họ Bùi) để làm nhà ở. Năm 1984, ông Huỳnh Bùi L xuất ngũ từ Cam Ranh trở về thôn H, xã X, thị xã S, tỉnh Phú Yên để sinh sống. Năm 1985, ông Chế Hữu K thỏa thuận đổi thửa đất số 162 cho vợ chồng ông Võ Hữu C lấy 07 bao xi măng để sau này xây mô mả cho các cụ, nhưng chưa thực hiện. Đến năm 1986, ông C tiến hành xây dựng nhà trên thửa đất số 162, thì bà Bùi Thị B phản đối việc đổi đất và chỉ đồng ý bán với giá 01 chỉ vàng. Tuy nhiên, do bà B không giao giấy tờ đất, nên ông C không trả 01 chỉ vàng này. Nhận thấy, tuổi già sức yếu, nên bà Bùi Thị B, ông Huỳnh Thái L đã ủy quyền cho ông Huỳnh Bùi L đứng ra giải quyết đòi lại phần đất mà ông Võ Hữu C đã lấn chiếm của tộc họ và đây là lý do ông Huỳnh Bùi L có đơn khiếu nại từ năm 1990.

[7] Ngày 29/04/1990, Ủy ban nhân dân xã X tiến hành kiểm tra việc sử dụng đất của ông Võ Hữu C và phát hiện ông C sử dụng 1.880m², thực tế đất giao theo đơn năm 1983 chỉ có 840m², ông C đã lấn chiếm 1.040m², phần đất được giao thì ông lại lập vườn trồng dừa còn phần đất lấn chiếm lại sử dụng để xây nhà (ông C đã xác nhận việc này tại biên bản làm việc). Ngày 13/07/1991, Ủy ban nhân dân xã X có Tờ trình số 07/UB-TT đề nghị Ủy ban nhân dân huyện S thu hồi phần đất lấn chiếm trái phép của ông Võ Hữu C nhưng không được Ủy ban nhân dân huyện Đ giải quyết, trả lời nên ông Huỳnh Bùi L tiếp tục khiếu nại nhiều năm sau đó.

[8] Tại Biên bản làm việc ngày 26/9/2000 giữa Phòng địa chính huyện S và Ủy ban nhân dân xã X đã xác định toàn bộ 1.880m² đất mà gia đình ông Võ Hữu C sử dụng có nguồn gốc là đất của tộc họ Bùi, do bà Bùi Thị Đ sử dụng trông lang, sắn. Cho đến năm 1983, không hiểu vì lý do gì mà Ủy ban nhân dân xã lúc bấy giờ và Ban cải tạo nông nghiệp huyện ký cấp cho ông Võ Hữu C 1.050m², đồng thời xác định thửa đất của tộc họ Bùi trong quá trình cải tạo xã hội chủ nghĩa không đưa vào tập đoàn sản xuất nông nghiệp.

[9] Theo lời khai đề ngày 06/11/2007 của ông Lê N (nguyên trước đây là Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã X) xác nhận: Năm 1983, ông đại diện cho UBND xã ký đồng ý cho ông Võ Hữu C sử dụng thửa đất kích thước dài 21m, rộng 50m

để làm nhà ở, nhưng ông C không xây nhà ở theo đất được giao mà lại xây dựng trên phần đất của tộc họ Bùi sử dụng.

[10] Như vậy, việc sử dụng 440m² đất (đã trừ hành lang an toàn giao thông) của gia đình ông Võ Hữu C tại thửa đất số 57-1, thuộc tờ 23, bản đồ địa chính II (cũ là thửa 162, tờ bản đồ số 13) thôn H, xã X, thị xã S, tỉnh Phú Yên đã được xác định là đất lấn chiếm của tộc họ Bùi. Thửa đất này không đưa vào sản xuất nông nghiệp tập thể, mà vẫn thuộc quyền quản lý, sử dụng của tộc họ Bùi. Do đó, Giấy chia đất canh tác xác lập ngày 12 tháng 10 năm thứ 10 đời vua Thành Thái của ông Bùi Văn Ch được xem là giấy tờ hợp pháp về thừa kế theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 100 Luật Đất đai. Tại Quyết định giải quyết khiếu nại số 500/QĐ-UBND ngày 27/3/2014, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Yên cho rằng ông Huỳnh Bùi L và những người trong tộc họ không có giấy tờ hợp pháp đối với thửa đất số 57-1, 57-3 và đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng các thửa đất này cho gia đình ông Võ Hữu C trong đó có phần đất của tộc họ Bùi là không đúng quy định của pháp luật. Mặt khác, Tòa án cấp sơ thẩm cho rằng gia đình ông Võ Hữu C sử dụng đất liên tục, ngay tình, công khai trên 30 năm, đã xây dựng công trình nhà ở, trồng cây trên đất, phù hợp với quy hoạch sử dụng đất tại địa phương để công nhận Quyết định số 500/QĐ-UBND ngày 27/3/2014 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Yên có căn cứ pháp luật là không phù hợp với các tài liệu, chứng cứ được thu thập trong hồ sơ vụ án. Bởi lẽ, quá trình sử dụng đất của tộc họ Bùi là ổn định liên tục, đến năm 1983 ông Võ Hữu C được giao đất và khi xây nhà vào năm 1986, thì những người trong tộc họ Bùi đã phản đối, điều này cũng được chính ông Võ Hữu C thừa nhận tại phiên tòa dân sự phúc thẩm về tranh chấp đất đai ngày 28/10/2002.

[11] Việc xác định nguồn gốc đất và quyền sử dụng thửa đất số 57-1, thuộc tờ 23, bản đồ địa chính II, thôn H, xã X, thị xã S, tỉnh Phú Yên đã được Ủy ban nhân dân huyện S giải quyết tại Quyết định số 478/QĐ-UB ngày 11/10/2000 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện S và quyết định này đang có hiệu lực pháp luật. Mặc dù, Quyết định số 5417/QĐ-UBND ngày 11/11/2013 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã S không chấp nhận đơn khiếu nại của ông Võ Hữu C đối với quyết định thu hồi đất, nhưng việc tiếp tục thụ lý giải quyết đơn khiếu nại trong khi đã hết thời hiệu khiếu nại, để rồi sau đó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Yên ban hành Quyết định số 500/QĐ-UBND ngày 27/3/2014 đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Võ Hữu C là vi phạm trình tự, thủ tục cũng như nội dung giải quyết khiếu nại.

[12] Với những căn cứ như đã nêu trên, việc Tòa án cấp sơ thẩm bác yêu cầu khởi kiện của ông Huỳnh Bùi L đối với Quyết định giải quyết khiếu nại số 500/QĐ-UBND ngày 27/3/2014 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Yên và kiến nghị Ủy ban nhân dân thị xã S ban hành quyết định, thu hồi hủy bỏ Quyết

định số 478/QĐ-UB ngày 11/10/2000 của Ủy ban nhân dân huyện S (cũ) là không có cơ sở, không phù hợp với các tình tiết khách quan của vụ án.

[13] Do đó, nội dung kháng cáo của ông Huỳnh Bùi L và Quyết định kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng đối với Bản án hành chính sơ thẩm số 04/2016/HCST ngày 22/6/2016 của Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên là có căn cứ, cần được chấp nhận và cần phải sửa bản án hành chính sơ thẩm nêu trên; hủy Quyết định số 500/QĐ-UBND ngày 27/3/2014 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Yên và Quyết định số 5417/QĐ-UBND ngày 11/11/2013 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã S để đảm bảo quyền lợi hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan theo đúng quy định của pháp luật.

[14] Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay ông Võ Hữu C cho rằng ông không có kháng cáo, sau khi xét xử sơ thẩm ông làm đơn chỉ trình bày nguyện vọng cho rằng Quyết định giải quyết khiếu nại số 500/QĐ-UBND ngày 27/3/2014 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Yên là đúng pháp luật, nên đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm, do nội dung kháng cáo của ông Võ Hữu C không được xem xét, nên ông Võ Hữu C không phải chịu án phí hành chính phúc thẩm.

[15] Do kháng cáo được chấp nhận, nên ông Huỳnh Bùi L không phải chịu án phí hành chính phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 193, khoản 2 Điều 241, Điều 348, Điều 349 Luật Tố tụng hành chính;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận kháng cáo của ông Huỳnh Bùi L và Quyết định Kháng nghị số 07/QĐ/KNPT-VC2-V3 ngày 20/7/2016 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng; sửa toàn bộ Bản án hành chính sơ thẩm số 04/2016/HCST ngày 22/6/2016 của Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về “*Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai*” của ông Huỳnh Bùi L đối với Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Yên.

Hủy Quyết định số 500/QĐ-UBND ngày 27/3/2014 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Yên và Quyết định số 5417/QĐ-UBND ngày 11/11/2013 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã S về việc giải quyết đơn khiếu nại của ông Võ

Hữu C.

2. Về án phí:

Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Yên phải chịu án phí hành chính sơ thẩm là 200.000 đồng.

Ông Huỳnh Bùi L không phải chịu án phí hành chính sơ thẩm và án phí hành chính phúc thẩm. Hoàn trả cho ông Huỳnh Bùi L 200.000 đồng tiền tạm ứng án phí hành chính sơ thẩm theo Biên lai thu tiền số 08976 ngày 04/06/2014 và 200.000 đồng tiền tạm ứng án phí hành chính phúc thẩm theo Biên lai thu tiền số 0000907 ngày 06/07/2016 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Phú Yên.

Hoàn trả cho ông Võ Hữu C 200.000 đồng tiền tạm ứng án phí hành chính phúc thẩm theo Biên lai thu tiền số 0000913 ngày 13/07/2016 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Phú Yên.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TANDTC;
- VKSNDCC tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Phú Yên;
- VKSND tỉnh Phú Yên;
- Cục THADS tỉnh Phú Yên;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Trần Minh Tuấn